TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 02 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Thanh Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Quy và ông Đặng Hữu Luật.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Vũ Thị Luyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1992;

ĐKHKTT: Thôn U, xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vương Văn D, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn U, xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Vương Văn D1, sinh năm 1957 và bà Đặng Thị T1, sinh năm 1957;

Đều có địa chỉ: Thôn U, xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

2. Ông Hoàng Đức T2, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 30 tháng 10 năm 2017 và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Hoàng Thị T trình bày:

Chị và anh Vương Văn D được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 28/3/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà bố mẹ chồng ở thôn U, xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương. Chị ở nhà nội trợ, còn anh D làm công nhân. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm chăm sóc tới vợ con, chị có khuyên bảo thì anh D không nghe mà còn chửi bới. Gia đình đã khuyên bảo anh D nhưng anh D cũng không nghe. Đầu năm 2016, anh D bỏ nhà đi, không nói đi đâu, làm gì. Sau đó khoảng 02 tuần, chị đã xin phép bố mẹ chồng về nhà bố mẹ đẻ. Gần một năm sau, anh D và gia đình xuống gặp gỡ và xin đón mẹ con chị về đoàn tụ, nhưng chị không về, vì anh D không thay đổi vẫn giữ mối quan hệ với người phụ nữ khác. Kể từ đó, không ai quan tâm tới ai, không liên quan gì tới nhau. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2016 đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh D được ly hôn.

Vợ chồng chị có 01 con chung là Vương Văn D2, sinh ngày 28/01/2015, hiện chị T đang nuôi cháu D2. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã giao Thông báo thụ lý, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng, báo anh D có mặt tại Tòa án đã làm việc, nhưng anh D đều vắng mặt

Người làm chứng là ông Hoàng Đức T2 (bố đẻ chị T) trình bày: Sau khi cưới, vợ chồng anh D, chị T ở chung với bố mẹ chồng. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó anh D có quan hệ với người phụ nữ khác. Gia đình ông cũng khuyên chị T không nên để anh D ở trọ bên ngoài mà phải về nhà để ở. Tuy nhiên, anh D vẫn tiếp tục ở trọ, cũng không quan tâm chăm sóc gì tới mẹ con chị T. Đến

đầu năm 2016, mẹ con chị T đã về nhà ông. Kể từ đó, anh D và gia đình có xuống thăm mẹ con chị T một lần. Sau đó, anh D chưa khi nào xuống thăm con, cũng không gửi tiền hay quà gì cho cháu D2. Nay chị T có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn với anh D. Vợ chồng có một con chung là Vương Văn D2, hiện chị T đang nuôi con tại nhà ông. Vợ chồng ông thường xuyên giúp đỡ chị T trong việc trông nom, chăm sóc cháu D2.

Ông Vương Văn D1 và bà Đặng Thị T1 trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Vương Văn D, hiện nay anh D vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú ở xã M, huyện N, tỉnh H, nhưng anh D đã đi làm ăn xa, không có địa chỉ cụ thể. Thỉnh thoảng anh D về thăm nhà. Ông bà vẫn thường xuyên gọi điện cho anh D. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông bà đã nhận được thông báo thụ lý, giấy triệu tập và các thông báo, quyết định xét xử của Tòa án, và ông bà đã thông báo cho anh D biết. Anh D có thông báo lại là do đi làm ăn xa nên không thể về để giải quyết ly hôn với chị T được. Quan điểm của anh D đồng ý ly hôn với chị T, và đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con chung, không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T; về tài sản chung không có. Ông D1 và bà T1 trình bày: Anh D và chị T mâu thuẫn sau khi chị T sinh con, nguyên nhân là do anh D đòi hỏi trong vấn đề vợ chồng, nhưng chị T không đồng ý và còn thách thức anh D, nên anh D đã có quan hệ với người phụ nữ khác. Gia đình ông bà khuyên bảo anh D và chị T nhưng không được. Đến đầu năm 2016, chị T và cháu D về nhà bố mẹ đẻ chị T cho đến nay. Anh D chị T có một con chung là Vương Văn D2, hiện nay đang ở cùng với chị T ở nhà ông bà ngoại. Gia đình ông bà đều đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu D2, nhưng phải tạo điều kiện để ông bà và anh D được đón cháu D2 về chơi.

Người làm chứng ông Vương Văn T2 – Trưởng thôn U, xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương trình bày: Hiện nay, anh D không thường xuyên ở nhà, chỉ thỉnh thoảng mới về nhà bố mẹ đẻ, còn chị T cũng không ở nhà bố mẹ chồng từ khoảng năm 2016 đến nay.

Theo xác minh tại Công an và ban Tư pháp xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương: Anh D và chị T đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn U, xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương. Quá trình anh D, chị T chung sống có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không rõ. Bản thân anh D thường xuyên vắng nhà, đi làm ăn xa, thỉnh thoảng về nhà. Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở, không còn chung sống với anh D nữa.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm về việc tuân thủ pháp luật của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử và quá trình xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các bước, các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hộ quy định về án phí và lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho chị Hoàng Thị T ly hôn với anh Vương Văn D; về con chung: Giao con chung là Vương Văn D2, sinh ngày 28/01/2015 cho chị Hoàng Thị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Vương Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T không yêu cầu và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở; về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bao gồm: Bản sao giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao chứng minh thư nhân dân chị T; Bản sao giấy khai sinh của Vương Văn D2; Bản sao sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Vương Văn D; Bản cam kết của chị T; Đơn khởi kiện, Bản tự khai chị T. Quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án tiến hành lấy lời khai của nguyên đơn, người làm chứng, xác minh tại UBND xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Vương Văn D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Vương Văn D kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình nên xác nhận là hôn nhân

hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khi chị T sinh con thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D chị T bất đồng trong quan hệ vợ chồng, anh D không thường xuyên về nhà, không quan tâm chăm sóc vợ con. Từ đầu năm 2016 đến nay, anh D, chị T ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc, không có trách nhiệm với nhau. Xét lời khai của nguyên đơn về mâu thuẫn của vợ chồng, thời gian ly thân phù hợp với lời khai của người làm chứng là ông Vương Văn D1, bà Đặng Thị T1 và ông Hoàng Đức T2. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh D đến Tòa án để trình bày quan điểm về yêu cầu xin ly hôn của chị T, tham gia phiên hòa giải nhưng anh D đều vắng mặt, chứng tỏ anh D không mong muốn đoàn tụ với chị T. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh D và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài thời gian cũng không đem lại hạnh phúc cho hai bên. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T.

Về quan hệ con chung: Chị T và anh D có một con chung là Vương Văn D2, sinh ngày 28/01/2015, hiện chị T đang nuôi cháu D2. Chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con cùng chị. HĐXX xét thấy, hiện cháu D2 đang ở cùng với chị T ổn định, tâm sinh lý phát triển bình thường, chị T đảm bảo điều kiện về chỗ ở, việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D, mức thu nhập của chị T ổn định. Ngoài ra, theo lời trình bày của ông D1, bà T1 thì anh D và gia đình đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu D2, nhưng phải đảm bảo việc thăm đón của gia đình. Vì vậy, HĐXX căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Thảo, giao con chung là Vương Văn D2 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; tại lời khai của ông D1, bà T1 cũng xác định anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

Về án phí: Chị T xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hộ quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T ly hôn với anh Vương Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung là Vương Văn D2, sinh ngày 28/01/2015 cho chị Hoàng Thị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Vương Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T không yêu cầu và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ với 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại biên lai số AA/2016/0002081 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách. Chị Thảo đã thực hiện xong nghĩa vụ.

Chị Hoàng Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Vương Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã M, huyện N, Hải Dương;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vũ Thanh Tuấn